

Bản án số: 22/2022/HS-ST

Ngày: 01-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Lam – Phó hiệu trưởng trường Trung học phổ thông Đoàn Kết và ông Phạm Công Gia – Nguyên Phó Bí thư huyện đoàn huyện Tân Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Sơn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 158/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T – sinh năm 1999, tại Đồng Tháp

Nơi cư trú: Ấp T.B.T, xã T.H, huyện T.B, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Thợ sơn nước; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ (không rõ năm sinh) và bà Phạm Thị U– sinh năm 1954; Sống chung như vợ chồng với Sứ Vầy H – sinh ngày 23/5/2005, Có 01 (một) con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2021. (Có mặt)

- Bị hại: Cháu Sứ Vầy H – sinh ngày 23/5/2005 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 15, Khu 6, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Vòng Quang N – sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 15, Khu 6, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim T – Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ thị trấn Tân Phú. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2019, trong một lần T đi đến phòng trọ của người quen tại Khu 2, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, chơi thì gặp, làm quen và nảy sinh tình cảm với Sứ Vầy H. Sau đó, H dẫn T đến một căn nhà hoang tại khu 2, thị trấn Tân Phú để nói chuyện, tại đây T và H tự nguyện giao cấu với nhau một lần. Sau đó, T và H chung sống với nhau như vợ chồng tại phòng trọ của T thuê thuộc Khu 2, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian chung sống với nhau, T khai nhận thường xuyên thực hiện hành vi giao cấu đối với H (khoảng 45 đến 50 lần), các lần H đều tự nguyện. Đến tháng 12/2019 thì H có thai, và đến ngày 31/7/2020 thì H sinh một bé trai đặt tên là Nguyễn Văn Trọng Đ. Từ tháng 10/2020 đến tháng 4/2021, T tiếp tục thực hiện hành vi giao cấu đối với H khoảng 10 lần, các lần này H cũng đều tự nguyện. Đến ngày 25/4/2021, H trình báo đến Công an thị trấn Tân Phú về việc trong quá trình chung sống, T có hành vi bạo hành đối với H. Qua kiểm tra phát hiện, thời điểm giao cấu và chung sống với nhau thì H dưới 16 tuổi, nên Công an thị trấn Tân Phú đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú để xem xét, xử lý hành vi của Nguyễn Văn T. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 0514/TD/2021 ngày 15/6/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận: Sứ Vầy H có màng trinh hình chóp, đường kính lỗ trinh 1,4cm. Màng trinh rách cũ ở vị trí 03 giờ, 07 giờ, 09 giờ, bờ mép vết rách không phù nề, không xung huyết, không chảy máu.

Tại Kết luận giám định số: 4628/C09B ngày 02/12/2021 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Nguyễn Văn T và Sứ Vầy H có quan hệ huyết thống cha – mẹ – con với cháu Nguyễn Văn Trọng Đ.

Theo Cáo trạng số 10/CT-VKSTP-ĐN ngày 28/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Về trách nhiệm dân sự: Do người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, đồng ý với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị là tương xứng đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại; phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ như Kết luận giám định, Biên bản bắt bị can để tạm giam, Biên bản hiện trường, Sơ đồ và bản ảnh hiện trường... Như vậy, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 4/2021, tại khu 2, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn T đã có hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đối với Sù Vây H – sinh ngày 23/5/2005 (thời điểm tháng 10/2019 đến tháng 4/2021 thì H mới 14 tuổi 05 tháng đến 15 tuổi 11 tháng), T khai nhận khoảng từ 55 đến 60 lần; hậu quả làm H có thai và ngày 31/7/2020, H sinh một bé trai đặt tên là Nguyễn Văn Trọng Đ. Hành vi của Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Ngoài ra còn xem xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Bị cáo là người đã thành niên nhận thức đầy đủ về hành vi của mình khi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật, tuy nhiên để thỏa mãn cho nhu cầu bản thân nên đã thực hiện hành vi, với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em được pháp luật bảo vệ mặc dù có sự tự nguyện đồng ý của bị hại, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên và làm nạn nhân có thai, vì vậy Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo tự rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật, tu dưỡng bản thân trở thành người công dân tốt sống có ích cho xã hội, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, do bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như trên nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét; việc cấp dưỡng cho con đối với cháu Nguyễn Văn Trọng Đ thì giải quyết tại vụ án khác khi có yêu cầu.

[7] Các vấn đề khác: Đối với việc bị hại Sú Vầy H khai nhận đối tượng Nguyễn Thế H1 vào đầu năm 2019 có quan hệ tình cảm và nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bị hại H tại phòng trọ thuộc khu 7, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập H1 lên làm việc nhưng do H1 đã bỏ đi khỏi địa phương chưa làm việc được, ngoài lời khai của H thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với H1; vì vậy kiến nghị cơ quan điều tra cấp có thẩm quyền tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/8/2021.

2. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng